TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/03/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Nghĩa; Bà Nguyễn Thị Liệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Viển – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hội - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 542/2018/TLST-HNGĐ ngày 03/12/2018 về việc "tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên Đ:* Chị TRẦN THỊ MẪU Đ - sinh năm 1987.

HKTT: số nhà 72 tổ 2, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Địa chỉ liên lạc: ấp 1, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị Đ:* Anh ĐINH VĂN S - sinh năm 1988.

Địa chỉ: số nhà 72 tổ 2, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo Đơn khởi kiện ngày 12/10/2018, bản tự khai ngày 08/01/2019, lời khai tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Mẫu Đ trình bày*:**

Chị và anh Đinh Văn S tìm hiểu nhau, phát sinh tình cảm và tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 186/2011 ngày 16/03/2011.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là khi chị mang thai thì anh S không quan tâm, chăm sóc chị mà lại thường xuyên vắng nhà, khi anh về thì thường đã say rượu lại đòi hỏi chị quan hệ tình dục; khi chị không đủ khả năng đáp ứng thì bị anh S xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Cuối năm 2017, chị phát hiện anh S có quan

hệ tình cảm với người phụ nữa khác nên chị về nhà cha mẹ ruột, sống ly thân với anh S và hai người không ai còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết, chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn mối quan hệ vợ chồng với anh Đinh Văn S.

Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Đinh Tú Q – sinh ngày 28/11/2013 hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Tại bản tự khai ngày 29/11/2018, bị đơn anh Đinh Văn S trình bày: Anh đồng ý với trình bày của chị Đ về quá trình kết hôn, cũng như thông tin về con chung. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Đ nên không đồng ý ly hôn.

Nếu phải ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Đ nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con theo khả năng thu nhập.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa, việc tranh tụng diễn ra như sau:

1/ Chị Trần Thị Mẫu Đ: Mặc dù chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng nếu anh S tự nguyện cấp dưỡng thì chị đồng ý nhận.

2/ Anh Đinh Văn S: Anh không đồng ý ly hôn vì còn yêu vợ. Nếu Tòa án xử vợ chồng anh ly hôn nhau thì anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị Đ mỗi tháng 1.500.000đ

3/ Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án và giao các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên Đ.

Chị Đ, anh S đều thống nhất sau khi ly hôn thì chị Đ sẽ nuôi con và anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ nên đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận này của các đương sự.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn phát biểu quan điểm xử lý về tài sản và án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đinh Văn S cư trú tại khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân huyện Đ có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, không tranh chấp nuôi con và tài sản nên quan hệ pháp luật được xác định là "tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mẫu Đ và anh Đinh Văn S tự nguyện kết hôn; hôn nhân không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được công nhận hợp pháp.

Qua kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương thể hiện: cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh S đã xảy ra những bất đồng, mâu thuẫn và hai người đã tự chấm dứt đời sống chung của vợ chồng từ tháng 7/2018 đến nay (BL 24, 25, 26). Tại Điều của 19 Luật Hôn nhân và gia đình có quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình…**có nghĩa vụ sống chung với nhau***". Tuy nhiên, kể từ khi anh S và chị Đ không còn sống chung với nhau thì hai người cũng không quan tâm, chăm sóc, không thực hiện quyền nghĩa vụ chung của vợ chồng mà bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống. Tòa án cũng đã tổ chức 02 lần hòa giải để hàn gắn tình cảm cho vợ chồng cho chị Đ, anh S nhưng anh S không đến; điều này thể hiện anh S không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Vì lẽ đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị Đ đã trầm trọng; cuộc sống chung không còn; mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Đ xin ly hôn với anh S là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; phù hợp với đề nghị của Kiểm sát viên nên được Tòa án chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung giữa chị Trần Thị Mẫu Đ và anh Đinh Văn S là cháu Đinh Tú Q – sinh ngày 28/11/2013 hiện đang do chị Đ trực tiếp chăm sóc và cháu phát triển bình thường.

Cả chị Đ và anh S đều đồng ý giao quyền nuôi con cho chị Đ sau khi anh chị ly hôn và anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ; xét thấy, thỏa thuận của các đương sự và sự tự nguyện của bị Đ là không trái đạo đức xã hội, phù hợp pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, anh S có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở; anh S, chị Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Chị Trần thị Mẫu Đ, anh Đinh Văn S mỗi người phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Mẫu Đ và bị đơn anh Đinh Văn S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Tú Q – sinh ngày 28/11/2013 cho chị Trần Thị Mẫu Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: anh Đinh Văn S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh S có quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh S, chị Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Trần Thị Mẫu Đ phải chịu 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 005835 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí.

Anh Đinh Văn S phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Trần thị Mẫu Đ, anh Đinh Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đ;
- Lưu.

Lê Xuân Hòa